Mức phí chọn chỗ áp dụng cho chuyến bay quốc tế

I. Mức phí áp dụng cho chuyến bay quốc tế do Vietnam Airlines khai thác

1. Giá các giai đoạn khác

Đơn vị: USD

Hành trình	Chỗ đầu khoang/ Chỗ gần cửa thoát hiểm	Ghế hàng trước			Ghế hàng sau		
		Ghế lối đi	Ghế cửa sổ	Còn lại	Ghế lối đi	Ghế cửa sổ	Còn lại
Việt Nam – Mỹ							
Phổ thông linh hoạt	120	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	130	75	65	40	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	140	90	80	50	40	30	15
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	110	100	70	45	45	20
Việt Nam - Anh/Pháp/Đức/Nga/Úc/Ý							
Phổ thông linh hoạt	100	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	110	50	40	30	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	120	70	60	35	35	25	10
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	90	80	50	45	35	20
Việt Nam – Hà Lan/Thụy Điển							

Phổ thông linh hoạt	100	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	110	50	40	30	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	120	70	60	35	35	25	10
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	90	80	50	45	35	20
Việt Nam – Nhật Bản/Hàn Quốc/Ấn Độ							
Phổ thông linh hoạt	75	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	85	30	35	20	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	95	45	50	30	30	25	10
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	60	65	40	40	35	15
Việt Nam – Trung Quốc/Đài Loan/Hồng Kông							
Phổ thông linh hoạt	55	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	65	30	25	15	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	75	40	35	25	20	15	10
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	50	45	35	30	25	15
Việt Nam – Các quốc gia khác							
Phổ thông linh hoạt	45	0	0	0	0	0	0

Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	55	25	20	10	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	65	30	25	15	15	10	5
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	40	35	20	20	8	8

2. Giá giai đoạn cao điểm

Đơn vị: USD

Hành trình	Chỗ đầu khoang/ Chỗ gần cửa thoát hiểm	Ghế hàng trước			Ghế hàng sau		
		Ghế lối đi	Ghế cửa sổ	Còn lại	Ghế lối đi	Ghế cửa sổ	Còn lại
Việt Nam – Mỹ							
Phổ thông linh hoạt	144	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	156	90	78	48	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	168	108	96	60	48	36	18
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	132	120	84	66	54	24
Việt Nam - Anh/Pháp/Đức/Nga/Úc/Ý							
Phổ thông linh hoạt	120	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	132	60	48	36	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	144	84	72	42	42	30	12

Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	108	96	60	54	42	24
Việt Nam – Nhật Bản/Hàn Quốc/Ấn Độ							
Phổ thông linh hoạt	90	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	102	42	36	24	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	114	60	54	36	36	30	12
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	78	72	48	48	42	18
Việt Nam – Trung Quốc/Đài Loan/Hồng Kông							
Phổ thông linh hoạt	66	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	78	36	30	18	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	90	48	42	30	24	18	12
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	60	54	42	36	30	18
Việt Nam – Các quốc gia khác							
Phổ thông linh hoạt	54	0	0	0	0	0	0
Phổ thông tiêu chuẩn, vé thưởng và vé miễn giảm cước	66	30	24	12	0	0	0
Phổ thông tiết kiệm	78	36	30	18	18	12	6
Phổ thông siêu tiết kiệm	Không áp dụng	48	42	24	24	18	10

II. Mức phí áp dụng cho chuyến bay quốc tế hạng Phổ thông Đặc biệt do Vietnam Airlines khai thác

1. Giai đoạn khác

Đơn vị: USD

Hành trình	Chỗ cửa sổ/Chỗ lối đi
Việt Nam – Mỹ	
Phổ thông Đặc biệt linh hoạt	55
Phổ thông Đặc biệt tiêu chuẩn	65
Giữa Việt Nam và Anh/Pháp/Đức/Nga/Úc/Ý	
Phổ thông Đặc biệt linh hoạt	30
Phổ thông Đặc biệt tiêu chuẩn	40
Giữa Việt Nam và Nhật Bản (Hà Nội – Tokyo Haneda)	
Phổ thông Đặc biệt linh hoạt	20
Phổ thông Đặc biệt tiêu chuẩn	30

2. Giai đoạn cao điểm

Đơn vị: USD

Hành trình	Chỗ cửa sổ/Chỗ lối đi
Việt Nam – Mỹ	
Phổ thông Đặc biệt linh hoạt	66
Phổ thông Đặc biệt tiêu chuẩn	78
Giữa Việt Nam và Anh/Pháp/Đức/Nga/Úc/Ý	
Phổ thông Đặc biệt linh hoạt	36
Phổ thông Đặc biệt tiêu chuẩn	48
Giữa Việt Nam và Nhật Bản (Hà Nội – Tokyo Haneda)	
Phổ thông Đặc biệt linh hoạt	24
Phổ thông Đặc biệt tiêu chuẩn	36

III. Giai đoạn cao điểm

Chặng bay	**Giai đoạn cao điểm**
Việt Nam – Nhật Bản/Hàn Quốc/Trung Quốc/Đài Loan/Hong Kong/Ấn Độ	01/01/2026 – 28/02/2026
	15/03/2026-15/04/2026
	01/10/2026-31/12/2026
Việt Nam – Châu Âu	01/01/2026 – 28/02/2026
	01/04/2026-15/04/2026

	20/05/2026-30/08/2026
	15/12/2026-31/12/2026
Việt Nam – Châu Úc	01/01/2026 – 28/02/2026
	10/07/2026 – 31/07/2026
	01/09/2026 – 31/10/2026
	01/12/2026 – 31/12/2026
Việt Nam – Mỹ	01/01/2026 – 28/02/2026
	20/05/2026 – 30/09/2026
	25/11/2026 – 31/12/2026
Khác	01/01/2026 – 28/02/2026
	20/05/2026 – 30/08/2026
	15/12/2026 – 31/12/2026

Ghi chú:

- Đơn giá chưa bao gồm thuế, phí.
- Khi mua vé hạng Phổ thông, hội viên Bông Sen Vàng hạng Bạch Kim, Vàng, Titan được giảm tương ứng 50%, 30%, 20% phí chọn chỗ áp dụng cho loại vé Phổ thông đã mua.